

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-ST

Ngày: 06 – 11 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
thuê khoán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Ông Ngô Văn Khon.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 10 năm 2020 và ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 602/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm: 1957, có mặt;

Địa chỉ: Số 305 Trần Hưng Đ, khóm X, phường Y, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Anh Trần Nhật T, sinh năm: 1985, vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp X, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty Cổ phần Vinaconex 27.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn G, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 10, Nguyễn Văn T, phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Vinaconex 27 có anh Tô Bá Toàn, sinh năm: 1970, địa chỉ: Số 10, Nguyễn Văn T, phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền, có đơn xin vắng mặt.

4. *Người tham gia tố tụng khác:* Bà Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp BT, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp là người làm chứng, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Anh Trần Nhật T nhận khoán Trạm bơm Bình Tấn 2, phục vụ bơm tưới tiêu cho bà con thuộc Tổ hợp tác số 8, xã Bình Tấn từ sau năm 2000. Lúc trước, anh T thể hiện trách nhiệm nộp tiền rất tốt nên thời gian hợp đồng với anh T là 03 năm. Những năm gần đây, anh T nộp khoán cho ông H chậm trễ và mỗi vụ đều nợ lại một phần vì vậy ông H ký hợp đồng với anh T từng năm. Đến vụ Hè - Thu năm 2019, anh T không còn khả năng chi trả tiền nộp khoán số tiền tổng cộng là 77.955.500 đồng, cụ thể là:

- + Nợ vụ Hè Thu năm 2018 số tiền 10.101.000 đồng.
- + Nợ vụ Đông Xuân năm 2018 - 2019 số tiền 22.556.000 đồng.
- + Nợ vụ Hè Thu năm 2019 số tiền là 45.298.500 đồng (115 ha x 1.300.000 đồng/ha x 30,3%).

Nay ông Nguyễn Hồng H yêu cầu anh Trần Nhật T trả số tiền còn nợ là 77.955.500 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Nhật T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T không đến tham gia tố tụng nhưng vào ngày 08/5/2020 anh T đến Tòa án trình bày ý kiến:*

Anh thống nhất số tiền còn nợ của ông H theo hợp đồng thuê khoán là 77.955.500 đồng. Nhưng trước đây anh T có làm công nước để phục vụ cho việc tưới tiêu theo hợp đồng hợp tác bơm tưới tiêu với ông H số tiền là 20.000.000 đồng. Anh T yêu cầu ông H khấu trừ số tiền làm công này thì anh T đồng ý trả cho ông H số tiền còn lại là 55.955.500 đồng.

Nhưng việc anh T làm công nước để phục vụ cho việc tưới tiêu theo hợp đồng hợp tác bơm nước tưới tiêu với ông H số tiền 20.000.000đ thì không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Trạm bơm điện Bình Tấn 2 do Công ty Cổ phần Vinaconex 27 đầu tư xây dựng, giao khoán cho ông Trần Nhật T (Điện). Năm 2015 Công ty chuyển nhượng, bàn giao toàn bộ dự án cho ông Nguyễn Hồng H, trong đó ông H phải tiếp nối thực hiện hợp đồng giao khoán trạm bơm dở dang mà công ty ký với ông Trần

Nhật T.

Toàn bộ hệ thống cống là do Công ty thiết kế, được chính quyền địa phương phê duyệt và thuê thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Vốn xây dựng do Công ty bỏ vốn đầu tư hình thành tài sản và nằm chung trong toàn bộ tài sản Công ty bàn giao khi chuyển nhượng tài sản cho anh T. Anh Trần Nhật T là người tự yêu cầu Công ty giao cho thi công, chịu trách nhiệm thi công hoàn thành theo thiết kế của Công ty, tiền vốn Công ty thanh toán theo hợp đồng thi công.

Việc anh T làm thêm, mở rộng hạng mức cống nào đó thì Công ty không biết được. Tại thời điểm thi công hoàn thành, tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng là làm đúng theo thiết kế của Công ty (không có tăng giảm khối lượng gì khác).

*- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với bà Nguyễn Thị Kim Loan, bà Loan khai:*

Bà là mẹ ruột của anh Trần Nhật T, bà biết Trạm bơm Bình Tân 2, nguyên trước đây do vợ chồng bà giao kết làm ăn với ông H, khi chồng bà mất thì bà tiếp tục làm trạm bơm này khoảng 2 năm, sau đó thì giao lại cho anh T hợp đồng với ông H để khai thác trạm bơm, việc anh T có nợ ông H số tiền làm cống bao nhiêu hay việc thanh toán hợp đồng, thỏa thuận ra sao thì bà không biết, vào năm 2019 bà có trả thay cho anh T số tiền 20.000.000đ, bà không nhớ cụ thể thời gian, việc trả thay số tiền này bà cho anh T, không yêu cầu anh T trả lại, còn công việc làm giữa ông H với anh T bà không biết và không có liên quan.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định, riêng đối với anh T cố tình vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H khởi kiện tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản đối với bị đơn anh Trần Nhật T, cư trú tại: Ấp 3, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp phù hợp với kết quả xác nhận của Công an xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Nhật T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng anh T không đến tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến cho Tòa án. Xét thấy, anh T cố tình vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Nhật T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất việc anh Trần Nhật T còn nợ ông Nguyễn Hồng H số tiền 77.955.500 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Nay ông Nguyễn Hồng H yêu cầu anh Trần Nhật T trả số tiền còn nợ là 77.955.500 đồng, không yêu cầu tính lãi, là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 483 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 483 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Hợp đồng thuê khoán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê khoán giao tài sản cho bên thuê khoán để khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ tài sản thuê khoán và bên thuê khoán có nghĩa vụ trả tiền thuê”.*

Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng, trước đây anh T có làm công nước để phục vụ cho việc tưới tiêu theo Hợp đồng hợp tác bơm tưới tiêu với ông H, anh T yêu cầu ông H khấu trừ số tiền làm công này thì anh T đồng ý trả cho ông H số tiền còn còn lại là 55.955.500 đồng, nhưng việc anh T làm công nước để phục vụ cho việc tưới tiêu theo Hợp đồng hợp tác bơm nước tưới tiêu với ông H số tiền 20.000.000đ thì không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, xét thấy việc đề nghị này của anh T không được ông H chấp nhận vì trong quá trình nhận khoán anh T không có làm công nước trạm bơm, nên Hội đồng xét xử có cơ sở không chấp nhận đề nghị của anh T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Trần Nhật T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 483, Điều 488 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng H.
- Buộc anh Trần Nhật T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hồng H số tiền 77.955.500 đồng (bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Nhật T phải chịu 3.897.775 đồng (làm tròn 3.898.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Nguyễn Hồng H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.949.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu số BH/2018/0008171, quyển số 164, ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H. Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Giang**